

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ THÀNH PHỐ NĂM 2022

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

KẾT QUẢ THI VÒNG 2 MÔN NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
KỲ THI CÔNG CHỨC KHỐI ĐẢNG, ĐOÀN THỂ THÀNH PHỐ NĂM 2022

(Kèm theo Thông báo số **23** -TB/HĐTD ngày **04** tháng **5** năm 2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức khối Đảng, đoàn thể thành phố năm 2022)

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	CV259	Nguyễn Thị	Huyền	07	10	1989	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	95			95	
2	CV157	Nguyễn Tấn	Giàu	20	3	1993		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	90			90	
3	CV412	Đồng Kim	Ngân	27	11	1988	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	87			87	
4	CV447	Nguyễn Thanh	Ngôn	26	10	1993	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	82			82	
5	CV521	Hoàng Nguyễn	Phương	24	4	1997		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	79,5			79,5	
6	CV610	Đặng Minh	Tiến	01	9	1988		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	78,5			78,5	
7	CV093	Nguyễn Ngọc	Dũng	09	5	1989		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	74			74	
8	CV220	Nguyễn Trọng	Hiếu	30	5	1995		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	73			73	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên			Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
9	CV140	Phạm Hoàng Tuấn	Định	12	12	1981		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	67	Sĩ quan dự bị	5	72		
10	CV235	Nguyễn Anh	Hoàng	14	02	1990		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	70,5			70,5		
11	CV902	Nguyễn Dân	Hồng	18	6	1986	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	70			70		
12	CV452	Phạm Đào Khôi	Nguyễn	9	6	1988	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	69,5			69,5		
13	CV661	Phan Ngọc	Thái	03	6	1983		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	66,5	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	69		
14	CV726	Trần Ngọc	Thọ	21	7	1985		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	64,5	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	67		
15	CV188	Nguyễn Hồng Gia	Hân	22	12	1997	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	65			65		
16	CV305	Đoàn Quang	Khánh	21	5	1986		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	52,5	Con thương binh	5	57,5		
17	CV349	Hứa Hoàng	Long	10	4	1990		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	54			54		
18	CV201	Trần Như	Hiền	28	6	1984	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính	47,5			47,5		

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm				Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	12	13	14	15
19	CV873	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	01	4	1985	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư			91,5	
20	CV213	Dương Trung	Hiếu	25	02	1988		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	80	
21	CV534	Vương Thị	Phuong	24	12	1995	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư	Dân tộc Nùng	5	75	
22	CV425	Xa Hoàng Thị Thanh	Ngân	08	4	1997	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư	Con thương binh	5	72	
23	CV450	Lợi Thạch	Nguyễn	02	8	1988		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư	Dân tộc Hoa	5	72	
24	CV513	Dương Cao	Phước	07	9	1988		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư			72	
25	CV621	Nguyễn Duy	Tú	25	10	1990		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư			72	
26	CV924	Trần Hồng	Ngọc	25	10	1988	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư			71,5	
27	CV039	Nguyễn Tất	Bình	24	10	1986		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư			69	
28	CV909	Lê Huỳnh Minh	Kiệt	03	10	1994		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiêm Văn thư	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	2,5	64,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú	
				Ngày	tháng	năm				Đối tượng	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
29	CV671	Trang Thiên	Thanh	07	8	1995	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiểm Văn thư	64,5			64,5	
30	CV855	Nguyễn Phan Hoàng	Vũ	30	9	1992		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiểm Văn thư	60	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	62,5	
31	CV694	Nguyễn Thị Giang	Thảo	12	02	1992	x	Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiểm Văn thư	58,5			58,5	
32	CV237	Trần Văn	Hoàng	17	12	1983		Ban Nội chính Thành ủy	Chuyên viên về công tác Nội chính kiểm Văn thư	Vắng thi			Vắng thi	
33	CV156	Hà Nam Khánh	Giao	3	12	1996	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	91			91	
34	CV761	Phan Ngọc Huỳnh	Thư	23	11	1998	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	84			84	
35	CV464	Huỳnh Đoàn Tuyết	Nhi	28	4	1998	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79,5			79,5	
36	CV292	Nguyễn Vĩnh	Kha	21	2	1998		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74	Sĩ quan dự bị	5	79	
37	CV025	Đào Thị	Ánh	11	1	1998	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76			76	
38	CV632	Lê Quốc	Tuấn	1	8	1995		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76			76	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tự luận và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tự luận	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
39	CV711	Tô Quang	Thế	16	4	1998		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75			75	
40	CV038	Lê Thanh	Bình	15	3	1998		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73,5			73,5	
41	CV388	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	8	3	1997	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73,5			73,5	
42	CV435	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	27	11	1996	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
43	CV842	Nguyễn Thị Bích	Vân	12	4	1999	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
44	CV505	Nguyễn Hoàng	Phúc	2	1	1997		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70			70	
45	CV757	Nguyễn Hữu Mai	Thư	27	6	1994	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70			70	
46	CV812	Đặng Nguyễn Xuân	Trong	21	3	1998		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70			70	
47	CV807	Huỳnh Trần Kiều	Trình	2	12	1997	x	Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69			69	
48	CV095	Cao Hoài Khánh	Duy	21	5	1995		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67,5			67,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm trọng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm trọng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
49	CV504	Lê Hữu	Phúc	19	4	2000		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	61			61	
50	CV042	Tăng Hữu Song	Bình	30	1	1996		Thành Đoàn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	56			56	
51	KTV10	Vũ Thị Ngọc	Lan	5	10	1985	x	Thành Đoàn	Kế toán Thành đoàn	55,25			55,25	
52	CV418	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	15	7	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	90,5			90,5	
53	CV040	Phạm Thị Thái	Bình	16	3	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	81			81	
54	CV102	Nguyễn Trường	Duy	22	6	1999		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79,5			79,5	
55	CV451	Nguyễn Quỳnh Thảo	Nguyễn	03	5	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79			79	
56	CV722	Đoàn Hưng	Thịnh	21	11	1999		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	78			78	
57	CV021	Trương Nhật Quỳnh	Anh	24	8	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	77			77	
58	CV227	Lê Thị Thủy	Hoa	11	8	1997	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương đương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương đương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
59	CV527	Nguyễn Thanh	Phương	16	8	1994		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74,5			74,5	
60	CV693	Nguyễn Thạch	Thảo	02	3	1996	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	
61	CV109	Năng Thị Mỹ	Duyên	21	12	1996	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	64,5	Dân tộc Chăm	5	69,5	
62	CV960	Lê Thị Cẩm	Trang	15	6	1995	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69			69	
63	CV106	Đoàn Võ Thiên	Duyên	02	01	1996	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68			68	
64	CV752	Phan Thị Anh	Thúy	09	9	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68			68	
65	CV637	Nguyễn Minh	Tuấn	03	01	1996		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67,5			67,5	
66	CV371	Nguyễn Thị	Mai	12	3	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	66			66	
67	CV813	Ngô Văn	Trọng	18	8	1998		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65,5			65,5	
68	CV920	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10	4	1999	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	64			64	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	CV300	Lê Nguyễn Minh	Khanh	14	3	1997		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62			62	
70	CV568	Huỳnh Mẫn	Sang	10	02	1995		Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62			62	
71	CV794	Nguyễn Thị Bích	Trâm	04	9	1995	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62			62	
72	CV749	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	20	11	1996	x	Thành ủy Thủ Đức	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	58			58	
73	CV811	Trần Việt	Trình	3	11	1998	x	Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	77			77	
74	CV159	Nguyễn Hoàng	Hà	18	11	1997		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73,5			73,5	
75	CV570	Lê Thanh	Sang	18	7	1994		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	64	Sĩ quan dự bị	5	69	
76	CV770	Đỗ Sơn	Trà	11	7	1994		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65			65	
77	CV690	Nguyễn Dương Dạ	Thảo	4	8	1998	x	Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	64,5			64,5	
78	CV395	Hồng Hoàn	Nam	20	5	1999		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	54,5			54,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
79	CV823	Hoàng Lý	Trung	13	1	1995		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	52			52	
80	CV662	Trần Hoàng	Thái	17	8	1999		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	35,5			35,5	
81	CV601	Vũ Thị	Tâm	27	4	1996	x	Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về Quản lý và phát triển nhân lực Quận đoàn	77,5			77,5	
82	CV027	Trần Thành	Án	8	4	1999		Quận ủy Quận 1	Chuyên viên về Quản lý và phát triển nhân lực Quận đoàn	49,5			49,5	
83	KTV11	Nguyễn Hải	Nga	7	3	1984	x	Quận ủy Quận 1	Kế toán Quận đoàn	75,25			75,25	
84	KTV05	Đỗ Hoàng	Hải	25	11	1991		Quận ủy Quận 1	Kế toán Quận đoàn	54			54	
85	CV162	Văn Thị Ngân	Hà	12	5	1987	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	90			90	
86	CV586	Trần Vĩnh	Tài	15	11	1990		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	86	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	88,5	
87	CV115	Trang Hoàng Thủy	Dương	27	4	1990	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	86,5			86,5	
88	CV836	Lê Thị	Uyên	17	9	1995	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	85			85	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đổi tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đổi tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
89	CV437	Nguyễn Hồng	Ngọc	29	7	1992		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	84,5			84,5	
90	CV347	Trương Kim	Loan	25	1	1989	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	84			84	
91	CV499	Đặng Thành	Phú	8	5	1999		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	82,5			82,5	
92	CV153	Lưu Hoàng	Giang	19	1	1993		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	56	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	2,5	58,5	
93	CV910	Mai Trung	Khánh	3	2	2000		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	89,5			89,5	
94	CV947	Lê Tấn	Thành	11	4	1999		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	81			81	
95	CV871	Lê Hải	Yến	6	6	1997	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	
96	CV906	Võ Thị Mỹ	Huyền	29	10	1997	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
97	CV683	Đỗ Thị Thanh	Thảo	22	4	1999	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71,5			71,5	
98	CV793	Nguyễn Hồng Ngọc Bảo	Trâm	22	8	1998	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70,5			70,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm ưu tiên	Điểm tương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
99	CV207	Nguyễn Trọng	Hiền	17	4	1995		Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69,5			69,5	
100	CV423	Trần Hiếu	Ngân	13	5	1999	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68			68	
101	CV197	Nguyễn Thị Thu	Hiền	11	1	1997	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	41			41	
102	CV587	Đỗ Thị Thanh	Tâm	19	4	1996	x	Quận ủy Quận 3	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	35,5			35,5	
103	CV763	Triệu Trần Thanh	Thư	27	5	1997	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5	Dân tộc Hoa	5	80,5	
104	CV245	Diệp Quang	Huy	20	3	1994		Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76			76	
105	CV187	Cổ Thị Ngọc	Hân	24	4	1994	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67			67	
106	CV462	Đỗ Thị Phương	Nhi	16	11	1995	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	61			61	
107	CV072	Đỗ Thị Kim	Chi	4	11	1997	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	49			49	
108	CV657	Hoàng Thị Thanh	Tuyết	3	5	1999	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về Quản lý và phát triển nhân lực Quận đoàn	73,5			73,5	

STT	Số báo đanh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
109	CV429	Nguyễn Đăng Trí	Nghĩa	29	5	1997		Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về Quản lý và phát triển nhân lực Quận đoàn	65			65	
110	CV133	Trương Tấn	Đạt	18	4	1987		Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Hội Cựu Chiến binh	75			75	
111	CV732	Võ Thị	Thơ	6	12	1987	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Hội Cựu Chiến binh	65			65	
112	CV164	Vý Thu	Hà	11	4	1996	x	Quận ủy Quận 4	Chuyên viên về công tác Hội Cựu Chiến binh	55	Dân tộc Thái	5	60	
113	CV844	Trần Thị Khánh	Vân	11	9	1993	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	87,5			87,5	
114	CV930	Vũ Kiều	Oanh	15	05	1989	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	81,75	Con thương binh	5	86,75	
115	CV594	Nguyễn Thị Hoài	Tâm	24	01	1993	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	86,5			86,5	
116	CV263	Trần Thanh	Huyền	27	10	1984	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	83			83	
117	CV052	Võ Thị Hồng	Cúc	18	6	1988	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	74,5			74,5	
118	CV067	Thái Ngọc	Châu	6	12	1985		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	61,5			61,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
119	CV065	Phạm Ngọc Mai	Châu	19	4	1980		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về tổ chức xây dựng đảng	31,5	Sĩ quan dự bị	5	36,5	
120	CV399	Trần Minh	Tám	16	8	1985		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	76			76	
121	CV018	Tô Tú	Anh	23	8	1988	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	64,5	Dân tộc Hoa	5	69,5	
122	CV865	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08	9	1984	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	63,5			63,5	
123	CV892	Trần Minh	Đức	28	1	1985		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	31,5	Sĩ quan dự bị	5	36,5	
124	CV383	Lợi Ngọc	Mỹ	01	10	1999	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79,5	Dân tộc Hoa	5	84,5	
125	CV311	Nguyễn Hữu Mai	Khuê	15	3	1999	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79			79	
126	CV289	Trần Ngọc Hoàng	Kim	07	10	1998	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	78,5			78,5	
127	CV007	Lê Lâm	Anh	08	4	1997	x	Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	
128	CV246	Đinh Tấn	Huy	01	3	1995		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65	Sĩ quan dự bị	5	70	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
129	CV177	Đặng Minh	Hào	07	11	1998		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	38			38	
130	CV814	Trần Ngọc Đức	Trọng	6	9	1999		Quận ủy Quận 5	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	32,5			32,5	
131	CV353	Ngô Vĩnh	Long	15	9	1986		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	77,5	Sĩ quan dự bị	5	82,5	
132	CV596	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	2	4	1989	x	Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	75	Con thương binh	5	80	
133	CV946	Nguyễn Đức	Thanh	28	9	1986		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	73	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	75,5	
134	CV533	Trần Hoài	Phương	11	9	1990		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	74			74	
135	CV650	Hồ Lâm	Tuyền	30	12	1992		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	61			61	
136	CV318	Phạm Thị Hương	Lan	22	9	1995	x	Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	91			91	
137	CV374	Phan Vũ Trúc	Mai	13	8	1994	x	Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	88			88	
138	CV854	Lê Thành Quang	Vũ	31	10	1994		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67	Con thương binh	5	72	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương đương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương đương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
139	CV934	Phùng Văn	Phúc	30	6	1998		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65			65	
140	CV645	Võ Minh	Tuấn	23	10	1999		Quận ủy Quận 6	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65			65	
141	CV176	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	30	10	1991	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	92			92	
142	CV723	Ngô Đạt	Thịnh	31	10	1994		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	76			76	
143	CV727	Lê Kim	Thoa	8	5	1990	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	69			69	
144	CV147	Nguyễn Danh	Đức	21	6	1998		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	64,5			64,5	
145	CV634	Lý Minh	Tuấn	9	10	1990		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	62,5			62,5	
146	CV064	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	31	10	1987	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	54,5			54,5	
147	CV122	Nguyễn Thị Bé	Đào	7	7	1986	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	50,5			50,5	
148	CV919	Huỳnh Nhựt	Nam	5	12	1998		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	48			48	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương đương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương đương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
149	CV119	Trương Quang	Đại	10	6	1988		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	45			45	
150	CV538	Ngô Trí	Quang	16	2	1999		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	42			42	
151	CV508	Nguyễn Trung	Phúc	8	2	1997		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Mặt trận	34,5			34,5	
152	CV290	Trần Ngọc Hoàng	Kim	3	2	1999	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	85,5			85,5	
153	CV005	Công Tôn Tuấn	Anh	19	10	1994		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76			76	
154	CV074	Nguyễn Hồ Cẩm	Chi	19	8	1995	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76			76	
155	CV707	Huỳnh Minh	Thắng	12	1	1995		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71	Sĩ quan dự bị	5	76	
156	CV756	Nguyễn Dương Minh	Thư	16	2	1999	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	
157	CV342	Trần Thị Mỹ	Linh	6	4	1999	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	
158	CV583	Nguyễn Đức	Tài	4	8	1997		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
159	CV112	Nguyễn Quý Thùy	Dương	9	6	1997	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
160	CV612	Trần Thanh	Tiến	15	9	1999		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
161	CV562	Đoàn Ngọc Như	Quỳnh	27	6	1996	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70,5			70,5	
162	CV731	Lê Minh Quốc	Thống	6	8	1995		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	2,5	64,5	
163	CV179	Lê Như	Hào	10	1	1999	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	64			64	
164	CV138	Nguyễn Mạnh	Đình	24	9	1998		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	63,5			63,5	
165	CV937	Huỳnh Vĩnh	Quang	30	9	1997		Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	61			61	
166	CV323	Nguyễn Việt	Lâm	9	9	1995	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	58			58	
167	CV820	Trần Ngọc Thanh	Trúc	5	10	1999	x	Quận ủy Quận 7	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	57,5			57,5	
168	KTV18	Võ Lê Hoàng	Nhung	5	12	1992	x	Quận ủy Quận 7	Kế toán Quận đoàn	95			95	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đổi tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đổi tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
169	KTV19	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	6	4	1993	x	Quận ủy Quận 7	Kế toán Quận đoàn	58,5			58,5	
170	CV182	Đoàn Thị Thúy	Hàng	18	7	1998	x	Quận ủy Quận 8	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	81			81	
171	CV127	Nguyễn Phát	Đạt	27	1	1999		Quận ủy Quận 8	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	66			66	
172	CV257	Nguyễn Phạm Phương Huyền		7	1	1996	x	Quận ủy Quận 8	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65			65	
173	CV129	Nguyễn Tiến	Đạt	26	2	1998		Quận ủy Quận 8	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	59,5			59,5	
174	CV788	Trương Trần Thảo	Trang	31	8	1995	x	Quận ủy Quận 8	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	54	Dân tộc Hoa	5	59	
175	CV608	Lê Nguyễn Ngọc	Tiến	14	8	1997	x	Quận ủy Quận 8	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	57,5			57,5	
176	KTV20	Nguyễn Phát Trọng	Quốc	16	3	1978		Quận ủy Quận 8	Kế toán Hội Cựu chiến binh	60,5			60,5	
177	KTV26	Trương Thị Hồng	Thảo	25	12	1981	x	Quận ủy Quận 8	Kế toán Hội Cựu chiến binh	51,75	Con thương binh	5	56,75	
178	CV475	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	20	2	1995	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	91,5			91,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
179	CV250	Nguyễn Quang	Huy	22	8	1996		Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	85			85	
180	CV566	Trần Nguyễn Cẩm	Sa	24	7	1998	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75			75	
181	CV401	Lục Thị Ngọc	Nữ	22	9	1999	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	
182	CV517	Trương Hữu	Phước	14	1	1999		Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
183	CV249	Nguyễn Khắc Quốc	Huy	15	8	1996		Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70			70	
184	CV224	Trần Trọng	Hiếu	30	8	1995		Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68,5			68,5	
185	CV373	Nguyễn Thị Xuân	Mai	3	10	1994	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	63	Con thương binh	5	68	
186	CV396	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	16	8	1999		Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62,5			62,5	
187	CV561	Bùi Nhật Phương	Quỳnh	25	12	1999	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62			62	
188	CV815	Bùi Lê Hồng	Trúc	11	2	1999	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	57			57	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đổi tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đổi tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
189	CV043	Trần Quốc	Bình	13	9	1996		Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	56,5			56,5	
190	CV111	Nguyễn Huỳnh Thùy	Dương	5	11	1998	x	Quận ủy Quận 10	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	42			42	
191	KTV09	Văn Phước	Khánh	28	7	1991		Quận ủy Quận 10	Kế toán Quận đoàn	88			88	
192	KTV02	Đào Thùy Phương	Anh	1	10	1991	x	Quận ủy Quận 10	Kế toán Quận đoàn	85,75			85,75	
193	KTV27	Quách Phạm Minh	Thơ	20	8	1990	x	Quận ủy Quận 10	Kế toán Quận đoàn	75			75	
194	KTV21	Phan Vĩnh	Tài	8	2	1991		Quận ủy Quận 10	Kế toán Quận đoàn	52,75	Dân tộc Hoa	5	57,75	
195	KTV12	Bùi Thị Kim	Ngân	1	7	1991	x	Quận ủy Quận 10	Kế toán Quận đoàn	54,75			54,75	
196	KTV01	Nguyễn Tuấn	An	2	4	1997		Quận ủy Quận 10	Kế toán Quận đoàn	51,5			51,5	
197	CV448	Võ Hữu	Ngôi	19	7	1994		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	89			89	
198	CV276	Trần Đỗ Quỳnh	Hương	6	9	1999	x	Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75			75	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
199	CV853	Nguyễn Trung	Vĩnh	15	11	1999		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75			75	
200	CV344	Trương Thị Thùy	Linh	16	7	1997	x	Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
201	CV400	Huỳnh An	Ninh	4	10	1999		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
202	CV293	Huỳnh Trần Duy	Khang	19	7	1999		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69			69	
203	CV760	Phan Anh	Thư	16	2	1999	x	Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67,5			67,5	
204	CV173	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1	8	1998	x	Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	5	67	
205	CV020	Trần Tuấn	Anh	7	7	1999		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	64,5			64,5	
206	CV509	Tăng Văn	Phúc	23	8	1999		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	60,5			60,5	
207	CV614	Trương Trần Ngọc Vinh	Tiến	21	5	1999		Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	59,5			59,5	
208	CV194	Dương Ngọc	Hiền	14	12	1994	x	Quận ủy Quận 11	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	57			57	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
209	CV105	Trần Tường	Duy	18	12	1999	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	78,5			78,5	
210	CV312	Huỳnh Nhật	Khương	27	12	1999		Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75			75	
211	CV762	Phan Thị Anh	Thư	25	8	1999	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
212	CV139	Ngô Hoàng	Định	23	7	1996		Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68			68	
213	CV124	Huỳnh Tuấn	Đạt	18	3	1995		Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	56,5			56,5	
214	CV607	Lâm Võ Kiều	Tiến	1	1	1995	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	54,5			54,5	
215	CV751	Phạm Nguyễn Ngọc	Thúy	27	9	1999	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	51			51	
216	CV904	Đoàn Thị	Huyền	20	1	1999	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về Quản lý và phát triển nhân lực Quận đoàn	71			71	
217	KTV07	Võ Thị Thu	Hằng	27	2	1991	x	Quận ủy Bình Tân	Kế toán Quận Đoàn	60,25			60,25	
218	KTV25	Trần Phạm Phương	Thảo	11	11	1988	x	Quận ủy Bình Tân	Kế toán Quận Đoàn	17			17	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
219	CV256	Ngô Ngọc	Huyền	28	11	1988	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	79			79	
220	CV839	Trần Thụy Ngọc	Uyên	18	6	1985	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	72,5			72,5	
221	CV656	Phan Thanh Như	Tuyến	05	4	1997	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	62			62	
222	CV630	Huỳnh Anh	Tuấn	28	5	1993		Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	53,5			53,5	
223	CV795	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20	7	1984	x	Quận ủy Bình Tân	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	44,5			44,5	
224	CV150	Trần Phước	Đức	22	2	1995		Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	87,5			87,5	
225	CV056	Nguyễn Mạnh	Cường	30	4	1997		Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	77,5			77,5	
226	CV852	Trương Anh	Vinh	10	11	1999		Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76			76	
227	CV339	Nguyễn Trần Bảo	Linh	1	3	1997	x	Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	70	Con thương binh	5	75	
228	CV835	Lại Thu	Uyên	24	11	1996	x	Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	

24

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
229	CV158	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	6	7	1995	x	Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68,5			68,5	
230	CV548	Nguyễn Quang	Quý	24	1	1998		Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65,5			65,5	
231	CV303	Nguyễn Hoàng Đan	Khanh	27	11	1995	x	Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65			65	
232	CV023	Dương Ngọc	Ánh	25	11	1996	x	Quận ủy Bình Thạnh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	44,5			44,5	
233	CV281	Nguyễn Minh	Hữu	28	11	1999		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	92,5			92,5	
234	CV445	Phạm Thị Cẩm	Ngọc	5	6	1999	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	84			84	
235	CV001	Thái Đông	Á	9	1	1998	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	77,5			77,5	
236	CV818	Lê Thanh	Trúc	16	12	1994	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	
237	CV308	Nguyễn Hồng Phương	Khôi	10	9	1996		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
238	CV808	La Thị Hoàng	Trình	20	2	1997	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	66	Dân tộc Ba na	5	71	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương đương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm trọng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
249	CV002	Ngô Chí	An	16	05	1994		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	
250	CV772	Đàm Thu	Trang	19	09	1999	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	
251	CV214	Đỗ Trọng	Hiếu	25	02	1999		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	72			72	
252	CV476	Trần Thị Huỳnh	Như	29	12	1999	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71,5			71,5	
253	CV026	Dương Thiên	Ân	21	07	1997		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69,5			69,5	
254	CV845	Trần Thanh	Ven	14	02	1999		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69			69	
255	CV863	Nguyễn Đông	Xuân	11	06	1997	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67,5			67,5	
256	CV830	Trần Nguyễn Quang	Trung	17	05	1994		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	63,5			63,5	
257	CV126	Lê Huỳnh Phát	Đạt	09	01	1998		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	57,5			57,5	
258	CV398	Trần Hoàng	Nam	16	02	1997		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	55			55	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
239	CV956	Hoàng Thị Hoài	Thương	3	11	1995	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	69,5			69,5	
240	CV080	Nguyễn Thanh	Chương	7	3	1998		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68			68	
241	CV889	Lương Đình	Duy	11	10	1995		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	67,5	
242	CV320	Đỗ Hồng	Lâm	29	6	1994		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	61,5	Sĩ quan dự bị	5	66,5	
243	CV033	Đàm Quang Thị Ngọc	Bích	23	10	1995	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	61			61	
244	CV900	Trần Minh	Hoàng	12	2	1996		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	57			57	
245	CV514	Đỗ Hữu	Phước	21	4	1999		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	56,5			56,5	
246	CV141	Trần Minh	Đoàn	10	10	1995	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	46			46	
247	CV082	Trần Nguyễn	Chương	11	5	1999		Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	43			43	
248	CV168	Nguyễn Thiện	Hải	10	6	1986	x	Quận ủy Gò Vấp	Chuyên viên về Lưu trữ	65			65	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
259	CV441	Nguyễn Thị Báo	Ngọc	31	07	1996	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	53			53	
260	CV701	Trang Thanh	Thảo	19	09	1996	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	42,5			42,5	
261	CV343	Trương Mỹ	Linh	29	06	1992	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	86,25			86,25	
262	CV689	Lương Công	Thảo	21	09	1992		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	81,5	Người hoàn thành nghĩa vụ tham gia công an nhân dân	2,5	84	
263	CV831	Trần Vũ	Trung	27	08	1986		Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	78	Con bệnh binh	5	83	
264	CV434	Đỗ Thị Bích	Ngọc	19	03	1991	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	81,5			81,5	
265	CV444	Phạm Thị Bích	Ngọc	11	06	1993	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	72,5			72,5	
266	CV376	Vũ Hoàng	Mai	06	10	1991	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	69			69	
267	CV232	Nguyễn Thị Thủy	Hòa	26	02	1991	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	58,5			58,5	
268	CV782	Nguyễn Trần Diễm	Trang	10	01	1993	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội; Phụ nữ	78			78	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
269	CV774	Lê Nguyễn Đoàn	Trang	03	11	1993	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	59			59	
270	CV075	Phạm Thị Quỳnh	Chi	20	10	1998	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	54,25			54,25	
271	CV198	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18	01	1998	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	52			52	
272	CV046	Nguyễn Thị Linh	Ca	27	07	1981	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	50			50	
273	CV212	Diệp Thị Thanh	Hiếu	20	02	1999	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	44			44	
274	CV471	Đặng Thị Huỳnh	Như	22	09	1998	x	Quận ủy Phú Nhuận	Chuyên viên về công tác Hội Phụ nữ	40			40	
275	CV351	Lê Thái Minh	Long	9	4	1998		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	66			66	
276	CV419	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	28	3	1999	x	Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	59			59	
277	CV291	Lê Giao	Kim	25	2	1997		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	56			56	
278	CV178	Bạch Thị	Hào	24	11	1993	x	Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	81			81	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
279	CV223	Phan Trung	Hiếu	30	11	1997		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	69	Con thương binh	5	74	
280	CV885	Huỳnh Văn	Bình	16	6	1985		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	67,5	Con thương binh	5	72,5	
281	CV619	Phạm Thanh	Tòng	8	4	1989		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	72			72	
282	CV738	Nguyễn Thị Anh	Thư	19	8	1981	x	Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	71,5			71,5	
283	CV174	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	21	11	1995	x	Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	71			71	
284	CV416	Nguyễn Thái Kim	Ngân	25	8	1992	x	Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	70			70	
285	CV284	Tổng Quang	Kiên	18	2	1988		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	63,5	Sĩ quan dự bị	5	68,5	
286	CV805	Phạm Minh	Trí	9	4	1990		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	63	Sĩ quan dự bị	5	68	
287	CV163	Vũ Thu	Hà	20	9	1987	x	Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	63			63	
288	CV738	Ngô Đức	Thuận	7	2	1999		Quận ủy Tân Bình	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	58,5			58,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
289	CV258	Nguyễn Thị Bích	Huyền	18	11	1999	x	Quận ủy Tân Phú	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	80			80	
290	CV231	Nguyễn Tấn	Hòa	3	1	1995		Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	77,5	
291	CV837	Nguyễn Ngọc Phương Uyên		16	10	1998	x	Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
292	CV615	Phạm Trung	Tin	8	7	1998		Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	72			72	
293	CV003	Thái Tường	An	9	3	1999	x	Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71,5			71,5	
294	CV455	Phạm Thị Thanh	Nhàn	9	11	1999	x	Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68			68	
295	CV472	Lê Thị Huỳnh	Như	27	12	1997	x	Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65,5			65,5	
296	CV190	Phạm Kiều	Hân	14	1	1998		Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	63			63	
297	CV894	Trần Nguyễn Thanh	Giang	9	11	1994		Huyện ủy Bình Chánh	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	61			61	
298	CV108	Lê Thị Mỹ	Duyên	23	9	1994	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79			79	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
299	CV660	Đặng Võ Hồng	Thái	29	7	1999		Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	59,5			59,5	
300	CV809	Nguyễn Thị Mai	Trình	30	8	1999	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	54,5			54,5	
301	CV427	Hà Hoàng	Nghĩa	17	02	1999		Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Huyện đoàn	77,5			77,5	
302	CV785	Phan Thị Thanh	Trang	04	9	1999	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Huyện đoàn	65			65	
303	CV010	Mai Thị Mỹ	Anh	06	10	1999	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	86			86	
304	CV189	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02	12	1999	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	82			82	
305	CV959	Phạm Thu	Trang	16	9	1997	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	74			74	
306	CV944	Huỳnh Minh	Thái	08	11	1998		Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	70			70	
307	CV515	Nguyễn Chung	Phước	26	02	1984		Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	66			66	
308	CV781	Nguyễn Thị Thu	Trang	12	2	1991	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	62,5			62,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
309	CV146	Lê Việt	Đức	14	10	1999		Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	55			55	
310	CV874	Nguyễn Thị	Yến	02	3	1990		Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	52,5			52,5	
311	CV004	Trần Thị Thủy	An	16	10	1997	x	Huyện ủy Cần Giờ	Chuyên viên về công tác Mặt trận	51,5			51,5	
312	CV627	Bùi Anh	Tuấn	5	11	1996		Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	84,5			84,5	
313	CV011	Nguyễn Hoàng Việt	Anh	14	7	1999	x	Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	80			80	
314	CV652	Nguyễn Mộng	Tuyền	18	12	1996	x	Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	80			80	
315	CV467	Nguyễn Thị Ý	Nhi	26	3	1999	x	Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79,5			79,5	
316	CV579	Trần Hồng	Sơn	26	12	1996		Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	79			79	
317	CV278	Trần Thanh	Hương	25	8	1995	x	Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	76,5			76,5	
318	CV145	Đỗ Văn	Đức	30	1	1998		Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
319	CV417	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	16	8	1998	x	Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
320	CV430	Nguyễn Trọng	Nghĩa	20	11	1999		Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	65			65	
321	CV841	Nguyễn Hải	Vân	25	10	1999	x	Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	59			59	
322	CV097	Lê Đoàn Đức	Duy	20	02	1998		Huyện ủy Củ Chi	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	53			53	
323	CV456	Lê Ái	Nhân	27	03	1999	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	85,5			85,5	
324	CV748	Đỗ Phạm Thanh	Thúy	3	2	1999	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	80			80	
325	CV057	Nguyễn Ngọc Mạnh	Cường	03	4	1998		Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	
326	CV816	Bùi Thị Thanh	Trúc	09	11	1994	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	75,5			75,5	
327	CV288	Lê Đan	Kim	4	6	1994		Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	74			74	
328	CV526	Nguyễn Ngọc	Phương	30	7	1994	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73,5			73,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương đương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương đương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
329	CV963	Phạm Trịnh Mai	Trâm	13	2	1998	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
330	CV113	Nguyễn Thị Thùy	Dương	31	8	1998	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	67			67	
331	CV180	Phạm Võ Tú	Hào	04	12	1998	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	66			66	
332	CV750	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	08	11	1999	x	Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	62,5			62,5	
333	CV488	Nguyễn Huỳnh Tấn	Phát	27	12	1999		Huyện ủy Học Môn	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	52			52	
334	CV014	Nguyễn Thị Mai	Anh	19	8	1994	x	Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	85			85	
335	CV070	Võ Ngọc Minh	Châu	15	8	1998	x	Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	84,5			84,5	
336	CV439	Nguyễn Tuyết	Ngọc	18	5	1994	x	Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	77			77	
337	CV254	Huỳnh Thị Lệ	Huyền	10	7	1995	x	Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	
338	CV424	Trần Thị Thanh	Ngân	22	1	1999	x	Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	73			73	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
339	CV367	Bùi Minh	Sang	25	1	1995		Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	68,5	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	71	
340	CV391	Nguyễn Hồng	Tâm	4	7	1995		Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	71			71	
341	CV747	Đinh Thị Như	Thúy	18	9	1995	x	Huyện ủy Nhà Bè	Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên	49,5			49,5	
342	CV486	Huỳnh Tấn	Phát	03	06	1998		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	80			80	
343	CV639	Nguyễn Thanh	Tuấn	13	10	1987		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	77			77	
344	CV832	Nguyễn Trung	Trúc	20	09	1982		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	71	Sĩ quan dự bị	5	76	
345	CV546	Phạm Ngọc	Quân	29	01	1994		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	72,5			72,5	
346	CV753	Trương Thị Thanh	Thúy	21	12	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	71,5			71,5	
347	CV481	Tống Thanh	Nhật	25	02	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	69,5			69,5	
348	CV623	Nguyễn Việt	Tú	21	01	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	69			69	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
349	CV776	Ngô Thị Mỹ	Trang	12	04	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	63			63	
350	CV461	Châu Hoàng Yến	Nhi	27	4	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	62			62	
351	CV603	Lư Kiến	Tân	18	10	1998		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	60,5			60,5	
352	CV381	Trần Thị Nguyệt	Minh	01	9	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	60			60	
353	CV500	Nguyễn Đình	Phú	27	4	1986		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	45			45	
354	CV769	Trần Lê Phương	Thy	23	2	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	37			37	
355	CV044	Vũ Thanh	Bình	30	01	1979		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	28			28	
356	CV228	Nguyễn Thị Ánh	Hoa	05	10	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	21			21	
357	CV502	Trần Hoàng	Phú	15	05	1986		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	74			74	
358	CV229	Trần Thị Ngọc	Hoa	20	11	1981	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	72			72	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
359	CV600	Trương Ngọc Minh	Tâm	25	12	1992		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	64,5			64,5	
360	CV705	Lê Thị Hồng	Thắm	22	7	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP.HCM	58,75			58,75	
361	CV266	Đặng Lê Tiến	Hưng	20	10	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ thông tin tại Liên đoàn Lao động TP. HCM	93,5			93,5	
362	CV952	Trần Thị Thanh	Thúy	27	2	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	79			79	
363	CV365	Lương Thị Lam	Luyến	10	10	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	73,5	Con của người được hưởng chính sách như thương binh	5	78,5	
364	CV016	Phan Ngọc Quốc	Anh	25	8	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	69			69	
365	CV433	Bùi Thị	Ngọc	07	03	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	69			69	
366	CV955	Nguyễn Ba	Thương	26	12	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	66,5			66,5	
367	CV617	Nguyễn Duy	Tính	18	9	1998		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	65,5			65,5	
368	CV399	Vân Phú	Niệm	09	4	1978		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	64			64	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương đương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương đương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
369	CV282	Lê Chí	Kiên	20	10	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	63			63	
370	CV626	Trần Thị Cẩm	Tú	13	10	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	63			63	
371	CV381	Lê Hữu	Tài	13	08	1983		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	60,5			60,5	
372	CV340	Phan Thị Mỹ	Linh	05	5	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	60			60	
373	CV965	Nguyễn Thái Thống	Triển	12	2	1992		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	57,5			57,5	
374	CV799	Phan Thị Huyền	Trần	19	10	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	54,5			54,5	
375	CV041	Phù Thủy	Bình	23	09	1976	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	52,5			52,5	
376	CV948	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	04	09	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	37			37	
377	CV341	Trần Thị	Linh	20	4	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	28			28	
378	CV729	Nguyễn Thị Kim	Thoa	14	7	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	92,5			92,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm trọng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm trọng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
379	CV378	Nguyễn Thanh	Minh	25	06	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	69,75			69,75	
380	CV643	Trần Văn	Tuấn	26	06	1978		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	56			56	
381	CV083	Dương Thành	Danh	11	9	1992		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	75			75	
382	CV827	Nguyễn Vũ Nam	Trung	19	4	1996		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	70,5			70,5	
383	CV580	Trần Thanh	Son	12	1	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức	70			70	
384	CV459	Trần Hiếu	Nhân	05	01	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	79,5			79,5	
385	CV063	Nguyễn Ngọc	Châu	13	11	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	77			77	
386	CV778	Nguyễn Tấn Thanh	Trang	23	1	1986	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	69,5			69,5	
387	CV230	Huỳnh Ngọc	Hoà	02	03	1983		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	68			68	
388	CV680	Đào Thanh	Thảo	22	12	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	67,5			67,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tự luận và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tự luận	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
389	CV411	Trần Như	Ngà	16	12	1980	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	59,5			59,5	
390	CV428	Hứa Trung	Nghĩa	31	10	1976	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	58,5			58,5	
391	CV251	Phan Gia	Huy	01	08	1999		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	56			56	
392	CV088	Trần Thị Thùy	Dung	02	7	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	53			53	
393	CV616	Lê Văn	Tĩnh	06	10	1982		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 1	24			24	
394	CV688	Lê Thị Thu	Thảo	21	07	1991	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	77			77	
395	CV745	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	26	10	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	76			76	
396	CV426	Dương Hiếu	Nghĩa	23	05	1992		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	74			74	
397	CV822	Biện Minh	Trung	15	04	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	68	Sĩ quan dự bị	5	73	
398	CV252	Phan Nguyễn Quang	Huy	18	02	1982		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	67	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	69,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
399	CV185	Nguyễn Thị Thu	Hằng	28	09	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	66			66	
400	CV404	Hoàng Lê Huyền	Nga	18	9	1984	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	54			54	
401	CV576	Nguyễn Hoàng	Son	20	12	1984		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 3	25,5	Con thương bệnh binh	5	30,5	
402	CV720	Võ Hữu	Thiện	01	02	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động Quận 5	78			78	
403	CV549	Phan Trọng	Quý	29	01	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động Quận 5	65			65	
404	CV604	Nguyễn Duy	Tân	04	08	1987		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động Quận 5	65			65	
405	CV676	Thạch Quốc	Thành	11	8	1982		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Quản lý, phát triển nhân lực tại Liên đoàn Lao động Quận 5	40,5			40,5	
406	CV059	Nguyễn Công	Chánh	09	03	1997		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	82			82	
407	CV678	Bùi Thanh	Thảo	30	11	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	72			72	
408	CV741	Nguyễn Hoàng Thanh	Thủy	22	3	1996	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	72			72	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
409	CV209	Hồ Sĩ Hiệp		31	12	1985		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	70			70	
410	CV403	Bành Thị Mỹ Nga		18	05	1986	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	70			70	
411	CV862	Phan Thị Thanh Vy		01	02	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	64			64	
412	CV420	Phan Thị Phương Ngân		26	10	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	61			61	
413	CV667	Nguyễn Thị Thiên Thanh		09	7	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	53			53	
414	CV759	Nguyễn Thuý Minh	Thư	06	03	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 6	47,5			47,5	
415	CV211	Lê Thị Hiệp		10	10	1986	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 7	76,25			76,25	
416	CV864	Nguyễn Thanh Xuân		28	05	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 7	70,5			70,5	
417	CV307	Trịnh Quốc Khánh		08	4	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	84	Dân tộc Hoa	5	89	
418	CV644	Triệu Anh Tuấn		13	01	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	85			85	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
419	CV015	Nguyễn Xuân	Anh	15	02	1991	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	72			72	
420	CV798	Vũ Lê Anh	Trâm	23	11	1981	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	72			72	
421	CV466	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	09	11	1995	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	71			71	
422	CV354	Trần Lê Hồng	Long	26	8	1987		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	69,5			69,5	
423	CV069	Trần Thị Bảo	Châu	02	06	1974	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	69			69	
424	CV649	Đỗ Thị Song	Tuyền	19	05	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	68			68	
425	CV651	Huỳnh Mai Thanh	Tuyền	02	01	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	68			68	
426	CV702	Trần Thị Phương	Thảo	13	5	1984	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	65			65	
427	CV114	Phạm Thị Thùy	Dương	11	5	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	64			64	
428	CV826	Nguyễn Trọng	Trung	1	1	1985		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	60			60	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
429	CV585	Trang Chí	Tài	21	01	1984		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	57,5			57,5	
430	CV496	Trương Nguyễn	Phong	06	02	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	52	Sĩ quan dự bị	5	57	
431	CV666	Nguyễn Thị	Thanh	10	11	1984	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	51,5			51,5	
432	CV950	Lê Chiền	Thắng	05	11	1997		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 10	42			42	
433	CV743	Ngô Thị Thu	Thúy	03	7	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	83,5			83,5	
434	CV859	Bùi Đoãn Minh	Vương	07	10	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	79			79	
435	CV094	Bùi Anh	Duy	12	8	1992		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	77			77	
436	CV302	Nguyễn Duy	Khanh	20	6	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	76			76	
437	CV322	Nguyễn Bảo	Lâm	13	7	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	74			74	
438	CV006	Dương Quốc	Anh	30	12	1986		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	71			71	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
439	CV221	Nguyễn Trung	Hiếu	01	8	1982		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	69			69	
440	CV590	Nguyễn Hoàng Lệ	Tâm	22	09	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	69			69	
441	CV735	Nguyễn Trinh	Thuần	24	6	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	63,5			63,5	
442	CV206	Nguyễn Đình	Hiền	15	10	1983		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	54			54	
443	CV350	Lê Phi	Long	04	10	1986		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	54			54	
444	CV684	Hoàng Ngọc	Thảo	06	02	1984		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	44,5			44,5	
445	CV324	Đỗ Thị	Lân	21	4	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	37			37	
446	CV696	Nguyễn Thị Thu	Thảo	10	4	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	81			81	
447	CV869	Đặng Hải	Yến	06	04	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	74,5			74,5	
448	CV086	Hoàng Lê	Dung	28	1	1974	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	69,25			69,25	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
449	CV048	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	19	4	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	68,75			68,75	
450	CV847	Đỗ Hoàng	Viễn	19	10	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận 12	51,5			51,5	
451	CV804	Phạm Công	Trí	18	01	1994		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	84			84	
452	CV640	Nguyễn Thanh	Tuấn	26	02	1984		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	81			81	
453	CV893	Nguyễn Thị Trúc	Giang	12	05	1981	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	78			78	
454	CV484	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	28	02	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	78			78	
455	CV714	Nguyễn Sĩ	Thị	14	8	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	77,5			77,5	
456	CV709	Nguyễn Công	Thắng	07	11	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	71,5			71,5	
457	CV389	Trần Thế	Mỹ	20	10	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	71			71	
458	CV202	Trần Phan Huệ	Hiền	30	01	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	69			69	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	ngày					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
459	CV528	Nguyễn Thị Hoàng	Phương	22	11	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	69			69	
460	CV958	Nguyễn Thị Phương	Trang	24	03	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	69			69	
461	CV824	Lê Minh	Trung	14	01	1987		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	65			65	
462	CV024	Dương Thị Kim	Ánh	12	12	1984	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	63			63	
463	CV625	Trần Huỳnh Anh	Tú	19	08	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	59			59	
464	CV019	Trần Duy	Anh	26	11	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	58			58	
465	CV503	Du Hồng	Phúc	17	04	1983		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	53	Dân tộc Hoa	5	58	
466	CV143	Trần Văn Phú	Đông	25	9	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	52			52	
467	CV375	Quách Thụy Kiều	Mai	05	06	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	52			52	
468	CV152	Trần Thị Hồng	Gấm	06	07	1982	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	47,5			47,5	

STT	Số báo đánh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
469	CV606	Lôi Phúc	Tấn	01	4	1999		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	47,5			47,5	
470	KTV17	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21	03	1991	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Liên đoàn Lao động quận Bình Tân	45,5			45,5	
471	CV348	Đình Hải	Long	12	10	1984		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	62			62	
472	CV397	Nguyễn Xuân	Nam	09	02	1987		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	57			57	
473	CV275	Nguyễn Thị Lan	Hương	01	9	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	39			39	
474	CV368	Trịnh Thị Hồng	Lý	15	01	1991	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	39			39	
475	CV742	Nguyễn Lệ	Thùy	18	12	1991	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	63,5			63,5	
476	CV384	Lý Thụy Huỳnh	Mỹ	10	10	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	51,75			51,75	
477	CV917	Phan Thị Ngọc	Mai	04	8	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Bình Thạnh	37,5			37,5	
478	CV766	Nguyễn Huyền	Thương	14	9	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về An toàn vệ sinh lao động tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	77,5	Con thương binh	5	82,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
479	CV677	Trần Nguyễn Xuân	Thành	25	12	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về An toàn vệ sinh lao động tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	79			79	
480	CV933	Nguyễn Hồ Trường	Phúc	31	10	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về An toàn vệ sinh lao động tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	59	Con thương binh	5	64	
481	CV029	Nguyễn Linh	Bảo	16	01	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về An toàn vệ sinh lao động tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	36			36	
482	CV279	Trần Vũ Minh	Hương	25	3	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	80			80	
483	CV791	Đặng Nguyễn Tuyết	Trâm	5	8	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	77			77	
484	CV633	Lê Văn	Tuấn	10	10	1990		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	77			77	
485	CV911	Nguyễn Đăng	Linh	10	05	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	56,5			56,5	
486	CV337	Hồ Đức	Quan	25	06	1992		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	53			53	
487	CV943	Chu Quốc	Tuấn	08	01	1980		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Gò Vấp	38	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	40,5	
488	CV896	Tô Phương Trung	Hiếu	30	07	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	77	Sĩ quan dự bị	5	82	

50

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú	
				Ngày	tháng	năm				Đối tượng	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
489	CV511	Huỳnh Kim	Phụng	05	10	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	81,5			81,5	
490	CV264	Vũ Thị	Huyền	09	04	1996	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	79,5			79,5	
491	CV712	Đàm Thị Đường	Thị	17	5	1981	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	79,5			79,5	
492	CV319	Trịnh Thị	Lan	16	9	1991	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	78			78	
493	CV620	Hoàng Ngô Anh	Tứ	15	11	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	72			72	
494	CV613	Trần Xuân	Tiến	08	10	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	66	Sĩ quan dự bị	5	71	
495	CV387	Nguyễn Đào Ngọc	Mỹ	20	03	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	63,5			63,5	
496	KTV29	Lê Thị Thanh	Thủy	15	8	1979	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Liên đoàn Lao động quận Phú Nhuận	75			75	
497	CV409	Nguyễn Thủy Thủy	Nga	04	08	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Liên đoàn Lao động Quận Tân Bình	70,5			70,5	
498	KTV16	Bùi Thị Trang	Nhung	13	9	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Liên đoàn Lao động quận Tân Phú	46,5			46,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
499	KTV03	Lê Nguyễn Hồng	Anh	21	7	1997	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Liên đoàn Lao động quận Tân Phú	46			46	
500	CV975	Mai Thị Hoàng	Yến	06	11	1992	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh	79			79	
501	CV801	Nguyễn Hữu	Trí	16	10	1986		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh	67			67	
502	CV522	Lê Đức	Phương	08	5	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh	63			63	
503	CV780	Nguyễn Thị Minh	Trang	28	10	1977	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh	56	Con thương binh	5	61	
504	CV641	Trần Thanh	Tuấn	23	11	1987		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh	56			56	
505	CV668	Nguyễn Văn	Thanh	13	09	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giờ	79,5			79,5	
506	CV551	Đặng Thị Ngọc	Quý	01	02	1986	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giờ	72			72	
507	CV536	Nguyễn Thanh	Phượng	05	11	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Cần Giờ	46			46	
508	CV1111	Hoàng Phú	Tiến	21	01	1988		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	83,5			83,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
509	CV338	Nguyễn Thuý	Linh	01	05	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	76	Con thương binh	5	81	
510	CV060	Lê Thị Ngọc	Châu	02	01	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	80			80	
511	CV171	Huỳnh Thị Thanh	Hạnh	13	08	1983	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	79			79	
512	CV286	Phạm Văn	Kiệt	28	9	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	76			76	
513	CV602	Đỗ Ngọc	Tân	28	10	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	75,5			75,5	
514	CV733	Đào Thị Hương	Thu	19	11	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	69,5			69,5	
515	CV532	Phạm Thị Lan	Phuong	22	4	1986	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	28			28	
516	KTV31	Thân Tiếng	Trung	15	10	1993		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	76,5			76,5	
517	KTV15	Trần Yến	Ngọc	25	6	1974	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Liên đoàn Lao động huyện Hóc Môn	46			46	
518	CV269	Hồ Thị Diễm	Huong	07	09	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	77,5			77,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Điểm tương	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
519	CV402	Trần Thị Mỹ	Nương	08	09	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	75			75	
520	CV687	Lê Thị Phương	Thảo	20	07	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	74			74	
521	CV797	Trương Nguyễn Thảo	Trâm	16	06	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	68			68	
522	CV272	Lê Thị Thanh	Hương	12	04	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	64			64	
523	CV877	Võ Thị Kim	Yến	05	08	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	61			61	
524	CV664	Nguyễn Hoài	Thanh	25	12	1977		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	51			51	
525	CV047	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	18	02	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Liên đoàn Lao động huyện Nhà Bè	48			48	
526	CV516	Nguyễn Hữu	Phước	22	9	1983		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	85			85	
527	CV786	Trần Thị Bích	Trang	01	01	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	75			75	
528	CV876	Trần Thị Ngọc	Yến	20	10	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	70			70	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú	
				Ngày	tháng	năm				Điểm tương	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
529	CV333	Nguyễn Hải	Linh	23	11	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	69			69	
530	CV243	Cao Thanh	Hùng	20	06	1967		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	61	Đội viên thanh niên xung phong	2,5	63,5	
531	CV821	Trần Thị Thanh	Trúc	05	02	1982	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	45			45	
532	CV931	Đoàn Thị Uyên	Phi	26	02	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	26			26	
533	CV436	Lê Thị	Ngọc	06	6	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về Tài chính Công đoàn tại Công đoàn các khu chế xuất và công nghiệp TP. HCM	75			75	
534	CV336	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	18	10	1987	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	80			80	
535	CV331	Ngô Ái	Linh	22	5	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	73	Dân tộc Hoa	5	78	
536	CV415	Nguyễn Phan Thủy	Ngân	31	10	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	69			69	
537	CV084	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	16	9	1997	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	64,5			64,5	
538	CV359	Nguyễn An	Lợi	05	04	1977		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	61,5			61,5	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
539	CV271	Huỳnh Kim	Hương	29	08	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	53			53	
540	CV184	Ngô Phạm Thuý	Hằng	11	04	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	45			45	
541	CV624	Phan Thị Ngọc	Tú	24	12	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	78	Con thương binh	5	83	
542	CV734	Nguyễn Ngọc	Thu	27	8	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	80			80	
543	CV045	Võ Thị Yên	Bình	09	02	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	76			76	
544	CV148	Nguyễn Phúc	Đức	16	11	1995		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	70			70	
545	CV817	Huỳnh Thụy Thanh	Trúc	16	9	1996	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	70			70	
546	CV446	Trần Mai Bảo	Ngọc	13	6	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	69			69	
547	CV391	Trương Nữ Ly	Na	14	10	1982	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	68,5			68.5	
548	CV096	Hồ Bảo	Duy	01	01	1994		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	66			66	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Điểm tương và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú	
				Ngày	tháng	năm				Điểm tương	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
549	CV394	Hồ Thanh	Nam	18	8	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	61,5			61,5	
550	CV321	Lương Lê	Lâm	25	05	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	60			60	
551	CV078	Quách Văn	Chung	19	04	1978		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và môi trường	58,5			58,5	
552	CV936	Nguyễn Hoàng Bích	Phượng	30	10	1993	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	57			57	
553	CV268	Lê Hải	Hung	11	4	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	52	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	54,5	
554	CV317	Nguyễn Thị Mai	Lan	30	04	1996	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	46			46	
555	CV737	Huỳnh Minh	Thuận	31	5	1994		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	45,5			45,5	
556	CV665	Nguyễn Thị Đan	Thanh	06	12	1982	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường	20			20	
557	CV716	Lý Cẩm	Thiên	23	12	1991		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Y tế	84			84	
558	CV068	Trần Nguyễn Minh	Châu	29	06	1990	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Y tế	81			81	

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đối tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đối tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
559	CV440	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	04	01	1996	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Y tế	80,5			80,5	
560	CV681	Đặng Huỳnh Lan	Thảo	06	06	1994	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Y tế	65,5			65,5	
561	CV970	Giang Xuân	Vinh	16	8	1999		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Y tế	36	Dân tộc Hoa	5	41	
562	CV181	Dương Thi Cẩm	Hằng	03	04	1979	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn khối cơ sở Bộ Y tế	31			31	
563	KTV08	Vũ	Hằng	05	10	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Công đoàn Ngành giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	78,75			78,75	
564	KTV13	Nguyễn Thị Thu	Ngân	31	5	1978	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Kế toán tại Công đoàn Ngành giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	70,5			70,5	
565	CV022	Vũ Thị Lan	Anh	21	02	1985	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Ngành Y tế TP.HCM	71,5	Con bệnh binh	5	76,5	
566	CV304	Trịnh Thị Bảo	Khanh	19	8	1971	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Ngành Y tế TP.HCM	75			75	
567	CV746	Dương Thị Hồng	Thúy	13	8	1988	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Ngành Y tế TP.HCM	67,5			67,5	
568	CV577	Nguyễn Thành	Son	12	11	1986		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Ngành Y tế TP.HCM	62	Con bệnh binh	5	67	

58

STT	Số báo danh	Họ và chữ lót	Tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Đơn vị dự tuyển	Vị trí dự tuyển	Điểm thi vòng 2	Đổi tượng và điểm ưu tiên		Tổng điểm	Ghi chú
				Ngày	tháng	năm					Đổi tượng	Điểm ưu tiên		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
569	CV764	Võ Ngọc Anh	Thư	23	09	1989	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Ngành Y tế TP.HCM	63,5			63,5	
570	CV485	Phạm Ngọc Hoàng	Oanh	16	5	1997	x	Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Viên chức TP. HCM	83			83	
571	CV966	Phan Chí	Trung	17	12	1999		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Viên chức TP. HCM	80			80	
572	CV856	Phạm Huỳnh Phi	Vũ	18	02	1989		Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh	Chuyên viên về công tác Công đoàn tại Công đoàn Viên chức TP. HCM	69	Con thương binh	5	74	

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC